

Số: /TB-UBND

P. Lê Thanh Nghị, ngày tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

Thực hiện Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

UBND phường Lê Thanh Nghị thông báo về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường.

(có phụ lục kèm theo)

Giao Trung tâm Hành chính công phối hợp với Phòng kinh tế, hạ tầng - đô thị phường rà soát niêm yết quy trình TTHC theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công đồng thời đăng tải thông báo niêm yết công khai các thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử phường tại địa chỉ: <https://lethanhnghi.haiphong.gov.vn>

Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị thông báo để các tổ chức, cá nhân được biết để thuận tiện trong giao dịch./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Phòng KTHT&ĐT;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Đức

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo thông báo số /TB-UBND, ngày / 9 /2025 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY				
1	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
2	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
3	1.004036	Đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
4	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
5	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
6	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
7	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
8	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
9	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
10	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
11	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

12	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm bảo an toàn giao thông	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
13	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
14	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động, vui chơi giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
15	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
16	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
17	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
18	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
19	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủ nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
20	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
21	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
22	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
23	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
24	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	
25	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	03 giờ	03 giờ	

II LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ					
26	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	01 ngày đối với đám tang, không quá 2,5 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	
27	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
28	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
29	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
III LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG					
30	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	
31	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	

32	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	
33	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	
34	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
35	1.013228	lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
36	1,013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế	- Không quá 40 ngày đối với	- Không quá 20	

		xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở sau điều chỉnh	công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 10 ngày đối với công trình còn lại.	
37	1,013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày, - Dự án nhóm B không quá 25 ngày, - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	- Dự án nhóm A không quá 17,5 ngày, - Dự án nhóm B không quá 12,5 ngày, - Dự án nhóm C không quá 75 ngày.	
IV LĨNH VỰC NHÀ Ở					
38	1.012888	Công nhận Ban quản trị chung cư	07 ngày	3,5 ngày	
V LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC					
39	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày	7,5 ngày	
40	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	20 ngày	10 ngày	
41	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	20 ngày	10 ngày	

